

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **06/2024/HNGĐ-PT**

Ngày: 01 – 02 – 2024.

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hường

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh.

Ông Nguyễn Văn Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Yến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2023/HNGĐ-PT ngày 16/11/2023 về việc “*Chia tài sản sau ly hôn và thay đổi người nuôi con sau ly hôn*”. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 41/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 09 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắc Lắc bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐ-PT ngày 12/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H - Sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắc Lắc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Văn V - Sinh năm 1992. (có mặt)

Địa chỉ: Số D T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắc Lắc.

Bị đơn: Ông Nông Văn Q - Sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắc Lắc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Đỗ Thị Hằng N - Sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ: Số B Y, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị H và người đại diện trình bày:*

Bà Vũ Thị H và ông Nông Văn Q đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đến cuối năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên bà Vũ Thị H và ông Nông Văn Q đã ly hôn theo quyết định số 136/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 của TAND huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Theo nội dung của quyết định số 136/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, các bên tự thống nhất con chung giao cho bà Vũ Thị H được quyền và có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nông Vũ Hồng Q1 (sinh ngày 29/11/2009) đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cho ông Nông Văn Q được quyền và có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nông Văn H1 (sinh ngày 18/01/2008) đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn bà H và ông Nông Văn Q không thống nhất được việc phân chia tài sản chung. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia khối tài sản chung của vợ chồng là đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 5976,4m², tại thửa đất số 24 tờ bản đồ số 39. Được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 314235 mang tên Nông Văn Q và Vũ Thị H vào năm 2018. Đồng thời bà H yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người nuôi con chung sau ly hôn, giao cháu Nông Văn H1 cho bà được chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nông Văn Q trình bày: ông Q thống nhất lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, con chung. Đối với yêu cầu của bà H về việc thay đổi người nuôi con, tại phiên tòa ông Q không đồng ý vì kể từ thời điểm ly hôn cho đến nay chị Vũ Thị H nuôi dưỡng cháu H1 mà không được sự đồng ý của ông Q.

Đối với yêu cầu phân chia tài sản chung là lô đất có diện tích 5976,4m² và các tài sản có trên đất tại thửa đất số 24 tờ bản đồ số 39. Được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 314235 mang tên Nông Văn Q và Vũ Thị H vào năm 2018, ông Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 33, 34, 59, 62, 107, 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các điều 95, 97, 99, 100 Luật đất đai 2013; Áp dụng khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H về yêu cầu thay đổi người nuôi con chung sau ly hôn: Giao cháu Nông Văn H1, sinh ngày 18/01/2008 cho chị Vũ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nông Văn Q có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H về chia tài sản chung sau ly hôn. Chị Vũ Thị H được quyền sử dụng, định đoạt diện tích đất có vị trí tứ cận cụ thể như sau: Phía Đông giáp đường đi dài 13,5m, phía Bắc giáp phần đất anh Nông Văn Q được chia dài 213,59m, phía Nam giáp đất ông Hoàng Văn C dài 134,52m, phía Tây giáp sông dài 11m; 01 nhà xây cấp 4 mái lợp tôn trần ốp giấy bạc, nền lát gạch + láng xi măng, diện tích 45,12m²; và các cây trồng tương ứng nằm trên phần đất mà mình được chia. Anh Nông Văn Q được quyền sử dụng, định đoạt diện tích đất có vị trí tứ cận cụ thể như sau: Phía Đông giáp đường đi dài 17,72m, phía Bắc giáp đất ông Nông Văn H2 dài 213,59m, phía Nam giáp phần đất chị Vũ Thị H được chia dài 134,52m, phía Tây giáp Sông dài 12.91m; 01 nhà xây cấp 4 có diện tích 52,7m² (gồm phần nhà xây theo diện 167 là 31,95m² + phần xây dựng sau là 20,75m²); 01 giếng đào sâu 17m, đường kính 1m, xây thành có nắp đậy và các cây trồng tương ứng nằm trên phần đất mà mình được chia. Chị Vũ Thị H và anh Nông Văn Q có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đã được chia.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2023, nguyên đơn Vũ Thị H kháng cáo một phần bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 09 năm 2023 của Tòa án nhân huyện K, tỉnh Đắk Lắk với lý do Tòa án tuyên chiều dài tứ cận thửa đất có sai sót, ngoài ra theo cách chia tài sản của cấp sơ thẩm thì giếng nước nằm trên phần đất bà H được chia chứ không phải nằm trên phần đất ông Q được chia.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nội dung thỏa thuận như biên bản ghi nhận ý kiến các đương sự lập ngày 26 tháng 01 năm 2024.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể:

[1.1] Ông Nông Văn Q được quản lý sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất và sở hữu toàn bộ tài sản trên thửa đất số 24 tờ bản đồ số 39 có diện tích 5976,4m² tại Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 314235 mang tên Nông Văn Q và Vũ Thị H vào ngày 13 tháng 12 năm 2018. Đến ngày 20 tháng 02 năm 2024, ông Nông Văn Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị H số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Bà Vũ Thị H có nghĩa vụ giao trả cho ông Nông Văn Q bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 314235 mang tên Nông Văn Q và Vũ Thị H

[1.2]. Về chi phí tố tụng:

- Bà Vũ Thị H phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản + 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí thẩm định lại tài sản. Bà H đã nộp đủ 5.000.000 đồng.

- Ông Nông Văn Q phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản + 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí thẩm định lại tài sản. Ông Q đã nộp đủ 5.000.000 đồng.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[2] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Vũ Thị H và ông Nông Văn Q là cá nhân thuộc hộ nghèo được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông Q và bà H.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị H. Sửa một phần bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2023/HNGĐ - ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk về nội dung chia tài sản chung.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa cụ thể như sau:

[2.1] Ông Nông Văn Q được quyền sử dụng diện tích 5976,4m² đất tại Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 24 tờ bản đồ số 39 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 314235 do UBND huyện K cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018 mang tên Nông Văn Q và Vũ Thị H và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm

01 nhà xây cấp 4 có diện tích 52,7m² (gồm phần nhà xây diện 167 là 31,95m² + phần xây dựng sau là 20,75m²); 01 nhà xây cấp 4 mái lợp tôn trần ốp giấy bạc, nền lát gạch + láng xi măng, diện tích 45,12m²; 01 giếng đào xây thành có nắp đậy; 13 cây sầu riêng, 300 cây cà phê, 75 trụ tiêu.

[2.2] Đến ngày 20 tháng 02 năm 2024, ông Nông Văn Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị H số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) là giá trị tài sản bà H được hưởng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Bà Vũ Thị H có nghĩa vụ giao trả cho ông Nông Văn Q bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 314235 do UBND huyện K cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018 mang tên Nông Văn Q và Vũ Thị H. Ông Q có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục sang tên theo quy định.

[2.4] Về chi phí tố tụng:

- Bà Vũ Thị H phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản + 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí thẩm định lại tài sản. Công nhận bà H đã nộp đủ số tiền 5.000.000 đồng.

- Ông Nông Văn Q phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản + 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí thẩm định lại tài sản. Công nhận ông Q đã nộp đủ số tiền 5.000.000 đồng.

[2.4] Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí sơ thẩm cho bà Vũ Thị H và ông Nông Văn Q.

[2.5] Án phí phúc thẩm: Trả lại cho bà Vũ Thị H 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0002293 ngày 16/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND H. Krông Năng;
- Chi cục THADS H. K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lưu Thị Thu Hường